

Số: /QĐ-UBND

Tuấn Đạo, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ tỉnh lộ 291 thôn Tuấn An
đi thôn Tuấn Sơn, xã Tuấn Đạo, tỉnh Bắc Ninh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TUẤN ĐẠO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Căn cứ Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 23/9/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh v/v Ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Căn cứ Thông báo số 116/TB-PKT ngày 30/12/2025 của Phòng Kinh tế xã về việc Kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ tỉnh lộ 291 thôn Tuấn An đi thôn Tuấn Sơn xã Tuấn Đạo, tỉnh Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế xã tại Tờ trình số: 174/TTr-PKT ngày 30/12/2025 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ tỉnh lộ 291 thôn Tuấn An đi thôn Tuấn Sơn xã Tuấn Đạo, tỉnh Bắc Ninh với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ tỉnh lộ 291 thôn Tuấn An đi thôn Tuấn Sơn xã Tuấn Đạo, tỉnh Bắc Ninh.

2. Địa điểm xây dựng và hướng tuyến công trình:

- Địa điểm xây dựng: Các thôn: Tuấn An, Đông Bảo Tuấn, Tuấn Sơn xã

Tuấn Đạo, tỉnh Bắc Ninh.

- Hướng tuyến công trình: Hướng tuyến điểm đầu từ Km9+600m tỉnh lộ TL291 xã Tuấn Đạo đi qua 3 thôn (Tuấn An, Đông Bảo Tuấn, Tuấn Sơn) tiếp theo 1 nhánh đi xã Lục Sơn, 1 nhánh đi xã Tây Yên Tử (TL 293), tỉnh Bắc Ninh.

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 12,8 ha.

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND xã Tuấn Đạo.

4. Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã Tuấn Đạo.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng:

- Nhà thầu khảo sát: Trung tâm kiểm định chất lượng và kinh tế xây dựng Bắc Ninh số 2.

- Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn xây dựng Bắc Hà.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính, thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Loại, nhóm dự án: nhóm C.

- Loại, cấp công trình chính: Công trình giao thông, cấp III, miền núi (theo TCVN 4054-2005).

- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: 20 năm đối với mặt đường bê tông xi măng.

7. Mục tiêu dự án:

Việc đầu tư xây dựng tuyến đường nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển hạ tầng giao thông nông thôn, phục vụ đi lại, vận chuyển hàng hóa và phát triển sản xuất của nhân dân các thôn Tuấn An, Đông Bảo Tuấn và Tuấn Sơn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng trên địa bàn. Cụ thể:

- Hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông theo quy hoạch chung của xã Tuấn Đạo đến năm 2030, tạo mối liên kết giữa các khu dân cư và các tuyến giao thông liên xã (kết nối với xã Lục Sơn và tuyến tỉnh lộ 293 - xã Tây Yên Tử).

- Đảm bảo điều kiện đi lại thuận tiện, an toàn quanh năm cho người dân, đặc biệt là vào mùa mưa lũ, hạn chế tình trạng chia cắt, ách tắc giao thông do ngập, sạt lở.

- Tạo điều kiện phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp, khai thác tiềm năng tài nguyên trên địa bàn, nhất là khu vực các mỏ cát đồi dự kiến khai thác phục vụ các dự án trọng điểm của tỉnh.

- Góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng khác trong xã.

- Tăng cường năng lực quản lý, thu hút đầu tư, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững và giữ vững an ninh trật tự tại khu vực vùng dự án.

8. Quy mô đầu tư xây dựng: Quy mô công suất, khả năng phục vụ, một số chỉ tiêu, thông số chính thể hiện quy mô kết cấu, giải pháp kỹ thuật của công trình chính thuộc dự án:

8.1. *Phạm vi đầu tư:* Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ tỉnh lộ 291 thôn Tuấn An đi thôn Tuấn Sơn xã Tuấn Đạo, tỉnh Bắc Ninh có tổng chiều dài toàn tuyến L= 5,973 Km.

- Điểm đầu tuyến: Km0+00 giao với Km 9+600m TL291, xã Tuấn Đạo.

- Điểm cuối tuyến: Km5+973.42m kết nối với đường hiện trạng.

8.2. *Quy mô đầu tư xây dựng:* Đầu tư tuyến đường theo tiêu chuẩn chung đường cấp III miền núi (TCVN 4054: 2005); tốc độ thiết kế đề xuất: 40 - 60 km/h (chọn 50 km/h nếu địa hình có nhiều khúc cua; 60 km/h nếu tuyến thẳng, an toàn). Kết cấu mặt đường bê tông xi măng.

- Các hạng mục đầu tư gồm: Nền, mặt đường, công trình thoát nước ngang, hệ thống an toàn giao thông.

- Tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu của tuyến đường:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
1	Tốc độ thiết kế	Km/h	40 - 60
2	Độ dốc siêu cao lớn nhất i_{sc}	%	6
3	Bán kính đường cong nằm tối thiểu giới hạn	m	60
4	Bán kính đường cong nằm tối thiểu thông thường	m	125
5	Bán kính đường cong nằm không tối thiểu không siêu cao	m	600
6	Độ dốc dọc tối đa	%	8
7	Chiều dài tối thiểu của đoạn đổi dốc	m	70
8	BK đường cong đứng lồi tối thiểu giới hạn	m	700
9	BK đường cong đứng lồi tối thiểu thông thường	m	1000
10	BK đường cong đứng lõm tối thiểu giới hạn	m	450
11	BK đường cong đứng lõm tối thiểu thông thường	m	700

- Một số đoạn địa hình khó khăn chầm chước một số chỉ tiêu kỹ thuật đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, hạn chế khối lượng GPMB.

8.3. *Giải pháp thiết kế chủ yếu.*

a. *Thiết kế bình đồ tuyến:* Bình đồ tuyến đường được thiết kế đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn của cấp đường thiết kế, phù hợp với hệ thống đường hiện trạng. Điểm đầu tuyến giao với ĐT291, hướng tuyến cơ bản bám theo tuyến đường hiện trạng và có nắn chỉnh cục bộ một số vị trí để đảm bảo yếu tố hình học của cấp đường thiết kế, tận dụng tối đa nền mặt đường cũ, có chầm trước các tiêu chí kỹ thuật tại những điểm trên tuyến có các nhà dân hiện trạng, không thể giải phóng mặt bằng. Điểm cuối tại Km5+973.42 kết nối trực tiếp với đường hiện trạng.

b. *Thiết kế trắc dọc:* Tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật, các quy trình quy

phạm hiện hành, kết hợp hài hoà với các yếu tố bình diện, đảm bảo êm thuận; giảm thiểu khối lượng công tác giải phóng mặt bằng, khối lượng đào đắp nền đường. Cao độ đường đồ đảm bảo yêu cầu phù hợp điều kiện địa hình, chiều dày lớp kết cấu tăng cường và cao độ các điểm giao cắt với hệ thống đường giao thông của khu vực; cao độ thiết kế tuyến bằng cao độ mặt đường cũ cộng với lớp kết cấu áo đường tăng cường để tận dụng tối đa kết cấu mặt đường cũ. Các điểm không chế cao độ gồm điểm đầu tuyến, điểm cuối tuyến, các công trình thoát nước và cao độ mạng lưới đường trong khu vực nghiên cứu, đảm bảo phù hợp với cao độ hiện trạng nhà dân hai bên tuyến.

c. Thiết kế trắc ngang: Thiết kế trắc ngang tuyến theo quy mô đường cấp III miền núi; cụ thể như sau:

- Chiều rộng nền đường: $B_{nền} = 11,5\text{m}$;
- Chiều rộng mặt đường: $B_{mặt} = 9,0\text{m}$ (bao gồm cả lề gia cố như kết cấu mặt đường);
- Chiều rộng lề: $B_{lề} = 2 \times 0,75\text{m} = 1,5\text{m}$;
- Đốc ngang mặt đường $i=2\%$; đốc ngang lề đất $i=6\%$.

d. Thiết kế nền đường: Nền đường được đắp bằng vật liệu đất cấp phối khai thác tại mỏ và tận dụng đất đào đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- Đối với nền đường đắp: Trước khi đắp nền thực hiện đánh cấp, đào bỏ lớp đất không thích hợp với chiều dày bình quân 30cm; đất đắp nền được lu lèn đảm bảo độ chặt $K \geq 95\%$, riêng lớp đất đắp dày 30cm sát kết cấu áo đường đảm bảo độ chặt $K \geq 98\%$.

- Đối với nền đường đào: Tiến hành đào nền, đào khuôn đường đến cao trình khuôn đường; lu lèn đảm bảo lớp đất nền dày 30cm dưới kết cấu khuôn đường đạt độ chặt $K \geq 98\%$ với giải pháp xáo xới lu lèn hoặc thay bằng lớp vật liệu đủ tiêu chuẩn (nếu đất nền hiện trạng không bảo đảm), lớp đất phía dưới lu lèn đảm bảo độ chặt yêu cầu K95.

e. Thiết kế mặt đường: Thiết kế áo đường cứng BTXM theo Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 39: 2022/TCĐBVN; kết cấu mặt đường gồm các lớp từ trên xuống dưới như sau:

- Kết cấu mặt đường làm mới:
 - + Lớp BTXM M250 dày 25cm;
 - + Lớp giấy dầu ngăn cách;
 - + Lớp móng cấp phối đá dăm loại I, chiều dày 18cm;
 - + Lớp móng cấp phối đá dăm loại II, chiều dày 25cm;
- Kết cấu mặt đường giao dân sinh:
 - + Lớp BTXM M250 dày 25cm;
 - + Lớp giấy dầu ngăn cách;
 - + Lớp móng cấp phối đá dăm loại I, chiều dày 18cm;

+ Lớp bù vênh bằng cấp phối đá dăm loại I, chiều dày trung bình 10cm

f. Hệ thống thoát nước:

- Thoát nước dọc: Đoạn nền đào hoặc đắp thấp thiết kế rãnh đất hình thang kích thước 40x40x40 được thiết kế rãnh gia cố bằng bê tông xi măng.

- Thoát nước ngang: Thiết kế các cống thoát nước phục vụ thủy lợi, cống địa hình đảm bảo tiêu thoát nước khu vực, nối dài một số cống còn tốt; kết cấu các loại cống như sau:

+ Cống tròn: Sử dụng các loại cống có đường kính D1500mm; Kết cấu sử dụng cống đúc sẵn lắp ghép loại tải trọng C, cống đặt trên khối móng BTCT M200 hoặc đổ tại chỗ, bên dưới đệm đá dăm dày 10cm; Tường đầu, tường cánh kết cấu BTXM M200 trên lớp đệm đá dăm dày 10cm;

+ Ngầm tràn: Thiết kế móng, thân ngầm BTCT M250# trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Tường cánh bằng BTCT M250# đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm dày 10cm; Mặt ngầm BTCT M300# đổ tại chỗ;

+ Cống hộp đổ tại chỗ: Thiết kế móng cống, thân cống BTCT M300 đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm dày 10cm. Tường đầu, tường cánh, hồ thu bằng BTXM M300 đổ tại chỗ trên lớp đá dăm đệm dày 10cm.

- Hoàn trả kênh, mương thủy lợi: Một số kênh mương thủy lợi nằm trong phạm vi xây dựng tuyến đường sẽ được thiết kế hoàn trả theo kích thước, kết cấu mương hiện trạng.

h. Thiết kế nút giao, đường giao:

- Trên tuyến có 02 nút giao đầu tuyến và cuối tuyến thiết kế dạng giao cùng mức, tự điều khiển; bố trí đầy đủ hệ thống an toàn giao thông (sơn vạch kẻ đường chỉ hướng, biển báo...); kết cấu mặt đường nút giao tương tự kết cấu mặt đường tuyến chính của dự án.

- Các đường giao dân sinh được vượt nổi êm thuận đảm bảo giao thông đi lại thuận lợi.

i. Thiết kế gia cố mái taluy: Tại các vị trí xung yếu cục bộ của nền đường (thiếu nền tự nhiên trong phạm vi ngắn do không thể đào hạ hoặc đắp quá cao trên sườn dốc) và tại các đầu cống tại khe sâu được thiết kế kè tường chắn BTXM M200#.

k. An toàn giao thông: Thiết kế hệ thống an toàn giao thông theo Quy chuẩn Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT; Biển báo được bố trí tại các điểm giao cắt, biển được làm bằng tôn sơn phản quang, cột biển báo làm bằng thép tròn; sơn vạch phản quang, cọc tiêu, hộ lan tôn lượn sóng, tường chắn,...

j. Các nội dung chi tiết khác: Theo hồ sơ chi tiết kèm theo.

9. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

10.1. Số bước thiết kế: 02 bước.

10.2. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu được áp dụng.

- Quy trình khảo sát đường ô tô 22TCN 263-2000; Tiêu chuẩn cơ sở TCCS31:2020/TCĐBVN Đường ô tô;
- Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu TCCS 41:2022/TCĐBVN;
- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 39 : 2022/TCĐBVN về thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông ban hành kèm theo Quyết định số 2231/QĐ-TCĐBVN ngày 11/5/2022;
- Đường ô tô - yêu cầu thiết kế TCVN 4054-2005;
- Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ TCVN 11823:2017;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2016;
- Tiêu chuẩn thiết kế cống TCVN 9113:2012; 9116:2012;
- Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 2737:1995;
- Công tác đất - quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4447:2012;
- Nền đường ô tô - thi công và nghiệm thu TCVN 9436:2012;
- Lốp móng CPĐD trong kết cấu áo đường ô tô - vật liệu, thi công và nghiệm thu TCVN 8859:2011;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT;
- Một số các tiêu chuẩn khác có liên quan.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng: **159.000.000.000** đồng.

(Bằng chữ: Một trăm năm mươi chín tỷ đồng chẵn)

Trong đó:

+ Chi phí đền bù, GPMB:	10.258.989.000	đồng.
+ Chi phí xây dựng:	129.303.000.000	đồng.
+ Chi phí quản lý dự án:	2.260.370.000	đồng.
+ Chi phí tư vấn:	8.552.023.000	đồng.
+ Chi phí khác:	1.688.388.000	đồng.
+ Chi phí Dự phòng:	6.937.230.000	đồng.

12. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2025 - 2027.

13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh, ngân sách xã và các nguồn vốn khác.

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án.

15. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

16. Các nội dung khác: Theo thông báo số 116/TB-PKT ngày 30/12/2025 của Phòng Kinh tế xã v/v thông báo tổng hợp kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án và Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định.

Điều 2. Giao cho Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng các quy định đang hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND xã, Phòng Kinh tế xã và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng; Sở Tài chính (b/c);
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu VT, PKT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sơn